ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 72 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định một số nội dung về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Những nội dung về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường được thành lập theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính xã, phường (gọi chung là cấp xã); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã; thôn được tổ chức ở xã; tổ dân phố được tổ chức ở phường.

3. Trường hợp cần thiết, căn cứ đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, tổ dân phố phù hợp; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư Chi bộ; Trưởng ban Công tác Mặt trận. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 03 người theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Ngoài chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; thôn, tổ dân phố còn có các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố *(theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh)* để hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hoặc thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Mục 2 Chương II Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

Điều 4. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình

Thôn phải có từ 150 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 300 hộ gia đình trở lên.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này thì áp dụng tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình tương ứng với loại hình thôn hoặc tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù

a) Điều kiện xác định thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù

Thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi; thôn thuộc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thôn đặc biệt khó khăn; thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt

phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố biên giới (tiếp giáp biên giới quốc gia) hoặc thuộc khu vực giải phóng mặt bằng, sắp xếp dân cư.

b) Quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố đặc thù

Thôn phải có từ 100 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 200 hộ gia đình trở lên. Trường hợp thôn bị ngăn cách bởi đèo cao, vực sâu nguy hiểm, sông, suối chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán, khả năng liên kết với các cụm dân cư liền kề gặp nhiều khó khăn, khó khắc phục thì tối thiểu phải có từ 50 hộ gia đình trở lên. Trường hợp cần thiết phải chia tách, thành lập thôn mới có dưới 50 hộ gia đình thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để được hướng dẫn trước khi hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố thực hiện theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và thực hiện các nội dung sau:

a) Thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của cộng đồng dân cư đối với việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, tài sản chung của cộng đồng dân cư, việc thực hiện các công trình, dự án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

b) Thảo luận, tham gia ý kiến về việc lựa chọn nhân sự Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trước khi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã tại địa bàn dân cư thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và thực hiện các nội dung sau:

a) Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

b) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hình thức tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Các hình thức hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Ngoài các hình thức hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ tình hình và điều kiện thực tế, thôn, tổ dân phố khuyến khích áp dụng một hoặc các hình thức sau:

a) Trao đổi trực tiếp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với hộ gia đình;

b) Tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, tổ chức kỷ niệm ngày hội truyền thống, kỷ niệm các ngày lễ lớn của

dân tộc, của đất nước và của địa phương, sinh hoạt truyền thống văn hóa, Tết cổ truyền của dân tộc.

Điều 7. Thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; thành lập thôn, tổ dân phố trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo Điều 9 và Điều 11 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo Điều 12, 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Chương III
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Quy trình bầu, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Công tác chuẩn bị, tiến hành bầu và công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7 và 8 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong trường hợp sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định; trong đó nêu rõ phương án tiếp tục bố trí hoặc giải quyết cho thôi làm nhiệm vụ đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (nếu có).

b) Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cho thôi làm nhiệm vụ đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (trước sắp xếp), đồng thời

chỉ định lâm thời Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (sau sắp xếp) theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

Điều 10. Một số nguyên tắc trong hoạt động, phối hợp của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Ngoài các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố được quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, trong thực hiện nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thường xuyên liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên, của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở;

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình hoạt động của thôn, tổ dân phố và đề xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức nhà nước đóng trên địa bàn và các thôn, tổ dân phố giáp ranh, liền kề để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

a) Quản lý, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định; chủ động nắm tình hình, tuyên truyền, vận động, hòa giải, phối hợp giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong nội bộ Nhân dân;

b) Đại diện Nhân dân phản ánh, đề xuất với chính quyền địa phương ở cấp xã và cấp có thẩm quyền giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố;

c) Tổ chức công khai với Nhân dân đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; thực hiện các nội dung công khai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố triển khai một số nhiệm vụ ở khu dân cư, cụ thể:

a) Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân ở thôn, tổ dân phố thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; triển khai các cuộc vận động và phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn;

b) Công tác giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền ở thôn, tổ dân phố;

c) Công tác an sinh xã hội, hòa giải ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa và bảo đảm an ninh trật tự tại cộng đồng dân cư;

d) Thực hiện các nội dung theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, nắm bắt tình hình nhân dân và phản ánh kịp thời với cấp ủy, chính quyền địa phương.

Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo, bàn giao công việc của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của thôn, tổ dân phố theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Nội dung báo cáo bao gồm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ tự quản; tình hình thực hiện các nhiệm vụ do chính quyền cấp xã giao; tình hình an ninh, trật tự, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề phát sinh, kiến nghị, đề xuất (nếu có).

c) Khuyến khích việc trao đổi thông tin, báo cáo và xử lý công việc trên môi trường điện tử, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Bàn giao công việc

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoặc lâm thời, người tiền nhiệm phải hoàn thành việc bàn giao công việc, tài sản, hồ sơ, tài liệu (nếu có) cho người kế nhiệm.

b) Việc bàn giao được lập thành Biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Biên bản được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân cấp xã và thôn, tổ dân phố theo quy định.

c) Trong trường hợp vì lý do bất khả kháng (Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi, tạm giam...) mà không thực hiện bàn giao công việc giữa người tiền nhiệm và người kế nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác định công việc, tài sản, hồ sơ, tài liệu (nếu có) của thôn, tổ dân phố để bàn giao cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới theo quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của công dân, hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố

1. Công dân, hộ gia đình có trách nhiệm tích cực quan tâm đến công việc chung của cộng đồng dân cư; tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn,

tổ dân phố; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định. Đề xuất sáng kiến để cộng đồng dân cư bàn và quyết định trong phạm vi thôn, tổ dân phố.

2. Hộ gia đình có trách nhiệm cử đại diện tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư; tập hợp, nắm bắt ý kiến của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã việc thực hiện Quy chế này.

b) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ việc thực hiện Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng phương án, đề án, tờ trình và các văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn cấp xã; xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn nghiệp vụ đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của tỉnh.

c) Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ để làm cơ sở xem xét biểu dương, khen thưởng hoặc xử lý theo quy định của pháp luật đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng Tổ dân phố trên địa bàn;

d) Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn, định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

Điều 14. Kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Sở Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố tại các xã, phường thuộc tỉnh.

2. Hình thức kiểm tra do cơ quan kiểm tra quyết định: Kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, chấp hành nghiêm các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi kiểm tra việc thực hiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Điều 15. Điều khoản áp dụng

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.